

# TÂN HOA NGHIÊM KINH LUẬN

## QUYỂN 17

Phần Bồ-tát Nhứt Thiết Huệ, cõi Ba Đầu Ma hoa, Phật Vô Tận Nguyệt... có năm ý:

- 1) Tên Bồ-tát.
- 2) Tên cõi nước.
- 3) Tên Phật tùy sự tu tập.
- 4) Thể của Tòa ngời.
- 5) Phương hướng.

Tên Bồ-tát Nhứt Thiết Huệ, Bồ-tát này tu tập đạt thể tánh rộng tắng không mê chấp của tất cả các pháp. Vị này chuyên tu giới Ba-la-mật, thể của giới là không tánh, không sạch như. Tên cõi nước: Ba Đầu Ma hoa: hoa sen đỏ, biểu hiện cho giới tướng thanh tịnh. Vào đời độ sanh bằng giới nên được quả báo tốt đẹp. Tên Phật Bồ-tát tên Nhứt Thiết Huệ, Phật tên Vô Tận Nguyệt biểu hiện cho sự tương xứng của nhân quả. Bồ-tát Nhứt Thiết Huệ là người tu hành đạt trí huệ của tất cả các đức Phật, cõi nước là pháp tu tập. Phật là quả tu chứng của trụ Trì Địa, thanh tịnh hết phiền não. Thể tòa như trước, phương hướng: nam, phương nam thuộc quẻ ly, màu đỏ, rõ ràng như mặt trời chiếu soi vạn vật. Đây là việc Đồng tử Thiện tài gặp Tỳ kheo Hải Vân, nghe Phật giảng kinh Thổ Nhãn.

Phần Bồ-tát thắng Huệ có bốn ý: 1) Tên Bồ-tát; 2) Tên cõi nước; 3) Tên Phật; 4) Phương hướng.

Tên Bồ-tát: Thắng Huệ tùy vị tu tập thanh tịnh, tuy cũng một pháp nhưng vị sau hơn vị trước. Cõi nước: Bảo hoa. Vị này tu tập nhẫn Ba-la-mật đạt huệ của các đức Phật, hành hạnh nhẫn bằng thổ của đạo, trang nghiêm pháp thân huệ mạng bằng hạnh nhẫn. Tên Phật: Bát Đồng Nguyệt: đạt lý, thành tựu hạnh nguyện, tâm cảnh như như, tự tại (Nguyệt: thanh tịnh, trong mát). Phương hướng: tây, phương tây là mùa thu, thuộc hình pháp giết, trừ là Khổ Đế. Đây là vị từ bi, cũng như trong pháp mười hồi hướng, đồng tử thiện tài gặp Bồ-tát Quan âm ở phía Tây



núi Kim Cang, hành hạnh từ bi, nhẫn nhục trong cõi khổ. Vì thế, Bồ-tát Thắng Nguyệt, cõi Bảo Hoa, Phật Bất Động Nguyệt đều là công dụng của việc tu tập hạnh nhẫn. (Bảo Hoa là nhẫn; Nhẫn là pháp tu tập của trụ Tu Hành). Đó là việc Thiện Tài gặp Tỳ kheo Thiện Trụ đạt pháp Vô ngại.

Phần Bồ-tát Công Đức Huệ... có bốn ý như trước. Tên Bồ-tát: Công Đức Huệ. Vị này tu hạnh tinh tấn Ba-la-mật, đem lợi Ưu-bát-la hoa; hoa sen xanh, trong các ao sen, hoa này đẹp nhất. Trong các hạnh, tinh tấn là hạnh cap quý; tất cả hạnh nguyện đều bắt nguồn từ hạnh tinh tấn. Tên Phật: Phong Nguyệt. hạnh tinh tấn Ba-la-mật trừ tâm kiêu ngạo, biếng lười, trong tích tặc là thành Phật. Tinh tấn quán sát soi chiếu định huệ, đoạn trừ trần cấu vô minh, tịnh nhiễm, xua tan mùi xú uế. Phương hướng: Bắc, phương bắc thuộc quẻ Khảm, màu đen, ngu tội, trộm cướp nguy hiểm, thần, vua. Nghĩa là từ hạnh tinh tấn đem lợi ích mọi loài, phá trừ hôn ám, sớm thành quả Phật. Như gió có thể xua tan mọi nhơ uế. Tinh tấn là pháp tu tập của trụ sanh quý là pháp Luân tự mà vị thiện tri thức thứ tư của Thiện tài là Trưởng giả Di Giã thuyết giảng, làm cho người ngu hiểu rõ pháp thế tục, đạt pháp lạc.

Phần Bồ-tát tinh tấn Huệ... có bốn ý như trước. Tên Bồ-tát: Tinh Tấn Huệ. Vị này tu tập định Ba-la-mật, đạt trí sâu xa, tu một hạnh là đủ vô số hạnh. từ định có tinh tấn, từ tinh tấn có công đức. Đó là công dụng đan xen của các hạnh, một là tất cả. Tên cõi nước: Kim Cang hoa, từ thể thiền định của pháp tánh phát khởi trí huệ phân biệt đúng sai (Kim Cang phá trừ). Đó là công dụng vi diệu của định huệ. Tên Phật: Thủy Nguyệt, thể định có khả năng làm thanh tịnh mọi pháp như nước, sạch trong soi rõ mọi vật. Phương hướng: Đông Bắc thuộc quẻ Cấn: núi đá, cửa, thiếu nhi, ánh sáng buổi sớm soi rõ, tịch tịnh, dừng trụ. Từ thể định tu tập mọi hạnh, tạo lợi ích cho kẻ sơ học, là mốc thời gian. Bồ-tát Tinh Tấn, cõi nước Kim Cang, Phật Thủy Nguyệt, vô số cõi nước hiện trong thân lúc thiện tri thức thứ năm của Thiện Tài - trưởng giả Giải Thoát - nhập thiền định là công dụng của Thiền định.

Phần Bồ-tát Thiện Huệ... có bốn ý như trước. Tên Bồ-tát: Thiện Huệ. Vị này tu Bát-nhã Ba-la-mật. Tên cõi nước: Diệu Hương hoa: trí huệ nở hoa Phật (từ trí huệ thuyết giảng giáo pháp). Tên Phật: Giải Thoát Nguyệt: trí huệ phân biệt tâm cảnh, đạt giải thoát. Phương hướng: Đông nam thuộc quẻ Tốn: phong giáo, ngôn luận, vị này đủ trí huệ thuyết giảng giáo pháp, hóa độ chúng sanh, đạt giải thoát. Đây là việc Tỳ kheo Hải Tràng - thiện tri thức thứ sáu của Thiện Tài - tịch tịnh thân

tâm, vượt trên phép quán hơi thở, hóa hiện vô số hóa thân, đạt tự tại không ngại.

Phần Bồ-tát Trí Huệ... có bốn ý như trước. Tên Bồ-tát: Trí Huệ, trụ Bất Thoát nhờ trí tuệ tu tập hạnh từ bi, vào đời đồ sanh. Tên cõi nước: Quyết ý hoa. Bồ-tát dùng trí tuệ vào sáu nẻo đồ sanh, biết rõ căn tánh của chúng sanh nên tùy thuận hóa độ khiến chúng sanh thoát khổ được vui. Tên Phật: Vô Thượng Nguyệt. Từ bi là hạnh đầu trong các hạnh, là hạnh hóa độ chúng sanh. Phương hướng: Tây Nam, thuộc quẻ Khôn: tin thuận, mẹ, đất, chúng. Từ bi là mẹ của pháp phương tiện Ba-la-mật. Từ đó, Bồ-tát vào cõi sanh tử sống với chúng sanh, chỉ dạy chúng sanh tu tập chánh pháp. Đó là việc nữ cư sĩ Hưu Xả - thiện tri thức thứ bảy của Thiện Tài - lợi sanh bằng hạnh từ bi.

Phần Bồ-tát Chơn Thật Huệ... có bốn ý như trước. Tên Bồ-tát: Chơn Thật Huệ. Bồ-tát trụ Đồng chơn tu tập nguyện Ba-la-mật, dùng trí tuệ đồ sanh. Tên cõi nước: A-lư-na-hoa: hoa sen hồng. Hoa này do hai màu trắng đỏ hình thành. Nghĩa là nhờ hạnh nguyện từ bi nên trí tuệ viên mãn, như nhờ màu trắng, màu đỏ pha lẫn thành màu hồng. Màu trắng là trí, màu đỏ là bi. Vị này vào đời bằng trí chơn thật nên không đắm nhiễm, như hoa sen trong bùn. Tên Phật: Tinh Tú Nguyệt. Trí sáng hiểu rõ căn tánh sai khác của chúng sanh. Phương hướng: Tây Bắc, thuộc quẻ Càn: cha, kiên cộ, trời, tròn, thanh tịnh, hàm chứa tất cả. Đó là biểu hiện cho trí sáng tùy thuận hiện thân đồ sanh như vạn vật trong trời đất. Đây là việc tiên như Tỳ Mục Cù Sa - thiện tri thức thứ tám của Thiện tài - dùng trí sáng thuyết giảng, khiến tà giáo kinh sợ. Tiên như là trí không đắm nhiễm, đạt trí ngay trong tà kiến.

Phần Bồ-tát Vô Thượng Huệ... có bốn ý như trước. Tên Bồ-tát: Vô Thượng Huệ. Bồ-tát trụ Pháp Vương Tử tu tập lực Ba-la-mật, thuyết giảng giáo pháp. Tên cõi nước: Na-la-đa-hoa. Na la: người, đà: lấy. Vì hoa này rất thơm nên người đời thường dùng làm đồ trang sức. Nghĩa là Bồ-tát thuyết giảng pháp vi diệu, chúng sanh nghe pháp đạt năm phần pháp thân. Tên Phật: Thanh Tịnh Nguyệt, Bồ-tát thuyết giảng giáo pháp làm phép tắc thế gian để chúng sanh tu học theo. Đây là việc Bà-la-môn Thắng Nhiệt - thiện tri thức thứ chín của Thiện Tài - lên núi đao, vào đồng lúa, trời người thấy được đều đạt đạo. Bồ-tát có trọn vẹn trí tuệ, sống trong tà đạo, đồ thoát chúng sanh, an nhập chánh đạo.

Phần Bồ-tát Kiên cố Huệ... có bốn ý như trước. Tên Bồ-tát: Kiên Cố Huệ. Bồ-tát trụ quán đỉnh hành trí Ba-la-mật, kiên trì tạo lợi ích cho chúng sanh. Tên cõi nước: Hư không hoa. Trí tuệ soi rõ thế gian, xuất

thế gian đều không nương dừng. Tên Phật: Minh Liễu Nguyệt, dùng trí huệ soi rõ thế gian. Phương hướng: trên hư không chấp pháp có không như mặt trăng, mặt trời, sao. Đó là Đồng nữ Từ Hành, con vua Sư Tự Tràng - thiện tri thức thứ 10 của Thiện Tài. Trụ thứ 10 sanh trong nhà Phật, trọn vẹn trí bi. mười trụ tu trí bi là Đồng nữ Từ Hành, mười địa trọn vẹn tâm bi, địa mười một từ bi tu trí là Ma Da - mẹ của các Đức Phật. mười Bồ-tát, mười cõi nước, mười đức Phật là nhân quả của mười trụ, tùy phương hướng biểu hiện pháp, tùy pháp thành tên gọi.

-----  
**15. Phẩm: MƯỜI TRỤ**

Phẩm này có năm phần:

- 1) Tên phẩm.
- 2) Ý nghĩa.
- 3) Tông chỉ.
- 4) Thứ tự đoạn hoặc.
- 5) Nghĩa văn.

Tên phẩm: mười trụ: pháp mười trụ; Ý nghĩa: Phẩm trước khen ngợi sự siêng năng tu tập, phẩm này nêu hạnh tu của mười trụ. Mười trụ là vị sanh trong nhà Phật, không thoái chuyển. Tông chỉ: 20 pháp tinh tấn của mười trụ, an trụ nơi Phật an trụ. mười trụ, mỗi trụ có hai nhân quả, mười pháp trước là điều kiện tăng tiến; mười pháp sau là quả tu học. Thứ tự đoạn hoặc: Ba trụ 1,2,3 tu tập pháp xuất thế, đoạn trừ phiền não trói buộc của thế gian. Phiền não gồm có mười phiền não căn bản (dục, sắc, vô sắc, kiêu mạn, các cõi, ái, ngu, tham, sân, tâm ma) và sáu phiền não phụ (dối, nịnh, nghi, tham tiếc; ganh ghét, kiêu ngạo). Phần kệ của Thiện Tài có chép: “Ba cõi là thành quách, kiêu mạn là rào tường, các cõi là cửa ngõ, sông ái là hồ ao, ngu si luôn che lấp, lửa tham sân hừng hực, tâm ma là vua chúa, kẻ sơ học nương tựa. Tham ái là dây trói, dối nịnh luôn ràng buộc, nghi hoặc che mắt sáng, rơi và cõi tà ngu. Vì keo kiệt kiêu ngạo đọa trong ba đường ác”. Đây là căn cứ vào sự hướng đến của tâm, không căn cứ năm kiến: thân, biên, kiến thủ, giới thủ, tà kiến. Khi tâm thành trí, các kiến hoặc là điều kiện giải thoát. Vì thế theo pháp nhưt thừa, hiểu rõ vô minh là thành tựu trí, tự tại làm mọi việc bằng các kiến. Trong mười tín, Bồ-tát Văn Thù hỏi Bồ-tát Pháp Thủ về mười một phiền não (tham, sân, si, kiêu mạn, ghe giấu, giận, hận, ganh ghét, keo, dối, nịnh). Ba trụ đầu đoạn trừ phiền não, thành tựu tí căn bản, như việc Thiện Tài lên núi Diệu Phong gặp Tỳ

kheo Đức Vân, đạt trí sáng của Phật, đoạn trừ phiền não chướng hoặc của thế gian. Ở đây, Thiện Tài đến nước Hải Môn gặp Tỳ kheo Hải Vân, trừ tâm mê hoặc, hiểu rõ 12 duyên, thấy Phật trong biển, thuyết kinh Phổ Nhãn (thấy rõ 12 duyên, thành tựu trí huệ là Phật, tâm cảnh là kinh. nghĩa là đạt trí Phật, quán 12 duyên, thành tựu trí lớn, thấy rõ mọi cõi). Đây là việc quán 12 duyên, thành tựu trí Phật của trụ Trị Địa. Trụ thứ ba, Thiện Tài đến nước Hải Ngạn gặp Tỳ kheo Thiện Trụ, đoạn trừ chướng hoặc, đạt giải thoát không ngại của Bồ-tát, thấy rõ kiếp số sống chết của chúng sanh. Ba trụ này đoạn trừ phiền não trời buộc, tự tại. Đó cũng là việc mười tin hiểu rõ vô minh của ba cõi là Phật Bất Động Trí. Trụ thứ một, dùng sức tin hiểu, trí thanh tịnh soi rõ ba cõi, đoạn trừ hoặc chướng, nhập mười trụ. Ba trụ trước phần nhiều là tu tập pháp xuất thế nên ba thiên tri thức của Thiện Tài đều là Tỳ kheo. Đó là hình tướng của ba trụ đầu. Trụ Sanh Quý thứ tư tự tại trước phiền não trời buộc, pháp tắc gò bó của thế gian. đó là việc Thiện Tài đến chợ gặp trưởng giả Di Già thuyết Kinh Luân tự. Vì ngay trong sanh tự ồn náo là tịch tịnh. Mỗi chữ như bánh xe, một nhiều đan xen, thể tướng dung hợp, lại như ảnh tượng trong gương Đế Thích. Trong mỗi chữ đủ nghĩa của vô số câu chữ, danh từ của thế gian. đó là pháp tắc chỉ dạy kẻ sơ học, tu tập đạt tâm thanh tịnh và cũng là tánh không diệt gồm đủ tất cả các pháp thế gian. Trụ Cụ Túc thứ năm đội trị hai kiến thân - biên, đạt trí, đoạn trừ chướng hoặc như việc Thiện Tài gặp trưởng giả Giải Thoái nhập định: “Phổ Nhiếp như thiết Phật sát”, hiện vô số cõi nước, bằng vô số bụi trong mười cõi Phật. Vì thân chúng sanh đủ vô số cõi nước, sắc tướng chơn tục dung hợp như hình với bóng không trong ngoài, thoát khỏi mọi sự ràng buộc của 62 tà kiến. trụ Chánh Tâm thứ sáu đội trị chướng hoặc giữa tịch dụng của trí, như việc Thiện Tài gặp Tỳ kheo Hải Tràng tọa thiền bên đường đi, không theo dõi hơi thở. Không phân biệt suy xét, trên thân hóa hiện vô số thân, tùy căn tánh, chúng sanh đều thấy. Đó là sự không ngăn ngại của tịch dụng, sự thực hành tâm bi. Trụ Bất Thoái thứ bảy đoạn trừ chướng hoặc, thành tựu viên mãn tâm bi, độ sanh tự tại như việc Thiện Tài gặp nữ cư sĩ Hư Xả trong vườn Phổ Trang Nghiêm. Nữ cư sĩ nói với Thiện Tài: “Ta có tám vạn bốn ngàn Na du tha quyến thuộc. Nghĩa là vào đời bằng tâm bi, hành phương tiện Ba-la-mật, đoạn trừ tám vạn bốn ngàn phiền não của chúng sanh, giáo hóa đê, lại lợi ích cho chúng sanh. Câu: các quyến thuộc đều đạt bất thoái nghĩa là người thực hành bi trí đều đạt bất thoái. Trụ Đồng Chơn thứ tám đoạn trừ hoặc chướng, đạt trì thanh tịnh trong cõi tục, như việc

Thiện Tài gặp tiên như Tỳ-mục-cù-la. Vì trí sáng không đắm nhiễm. Tên cõi nước của nữ cư sĩ Hưu Xả và tiên như này giộng nhau, biểu hiện cho trí và pháp nhiễm là một. Việc tùy thuận tâm bi hành trí nhưng còn tâm nhiễm ô là sự dung hợp của hai trụ 1,8; tùy thuận trí hành bi, không còn tâm nhiễm ô là hạnh của đồng nữ Từ Hành, con vua Sử Tử Tràng. Trụ Pháp Vương thứ chín đối trị chướng ngại, tự tại thuyết giảng, như việc Thiện Tài hạp Bà-la-môn Thắng Nhiệt, lên núi đao, vào đồng lúa, trời người thần rồng thấy vậy đều đạt lợi ích. Trụ Quán đỉnh thứ 10 đối trị hoặc chướng, thành tựu trí bi thanh tịnh, như việc Thiện Tài gặp đồng nữ Từ Hành - con vua Sử Tử Tràng, trọn vẹn trí bi, ở trong thế gian nhưng không đắm nhiễm. mười pháp đối trị của mười trụ cũng chỉ là một, không trước giữa sau. cùng một pháp môn đối trị một chướng ngại, đạt một trí huệ. Cứ thế dung hợp đan xen không cùng. Thể của pháp ấy là Phật Bất Động Trí. Trong việc hành pháp, một nhiều giộng khác đan cài tự nhiên. Trong ba thừa giáo, trải qua ba-tăng-kỳ kiếp mới tu tập thành Phật. Ở đây, tâm Vô Minh căn bản là Phật Bất Động Trí. Thể dụng của pháp giới là pháp tu tập ngộ nhập, từ mười tín đến mười trụ... địa mười một đều cùng lúc thành Phật Bất Động Trí. Trong một pháp có vô số pháp. Vì tu tập ngộ nhập trong trí Bất Động của Pháp giới nên các pháp như thế. Như việc Long Nữ chỉ trong tích tắc là thành Phật, Thiện Tài một đời thành Phật. Pháp vốn không tánh, một đời không dài ngắn... Hãy tin hiểu như vậy. Đức Phật hiện tại cũng là đức Phật ở quá khứ, vị lai như giọt nước và biển cả là một. Đó là sự hiểu biết vượt ngoài vọng tình. Trong ba thừa, Bồ-tát mười trụ còn phần đoạn sanh tử, quán pháp không, đoạn trừ hoặc chướng “Không tin” của hàng Viễn đê. Mười hạnh quán từng phần pháp không, tu hạnh tự lợi, lợi người, đối trị chướng hoặc tự lợi của Thanh Văn. mười hồi hưởng quán pháp không, phát tâm bi, dùng nguyện lực vào đời độ sanh đối trị hoặc chướng tự độ của hàng Độc giác. Đó là sự đoạn trừ ba chướng của các vị trước mười địa của ba thừa giác. Song các vị ấy chỉ đoạn trừ kiết sử, nhưng chưa đoạn hết chủng tử. Bồ-tát mười địa đoạn trừ hết chủng tử. Bồ-tát địa thứ một thấy thân mình là chơn như, đủ tính Phật, là vị kiến đạo. Từ địa thứ ba đến địa thứ bảy là vị tu hành (còn dụng công tu tập). Từ địa thứ tám đến địa thứ mười là vị cứu cánh, không cần dụng công, tự tại thành Phật. Trong ba thừa giáo có 12 trụ địa:

- 1) Chúng tánh trụ: mười giáo hạnh.
- 2) Giải hành trụ: mười hồi hưởng.
- 3) Hoan hỉ trụ: địa một.

- 4) Tăng thượng giới trụ: địa hai.
- 5) Tăng thượng ý trụ: địa ba.
- 6) Đạo phẩm tương ứng tăng thượng huệ trụ: địa bốn.
- 7) Đế tương ứng tăng thượng huệ trụ: địa năm.
- 8) Duyên khởi tương ứng tăng thượng huệ trụ: địa sáu.
- 9) Hữu hành hữu khai phát vô tướng trụ: địa bảy.
- 10) Vô hành vô khai phát vô tướng trụ: địa tám.
- 11) Vô ngại huệ trụ: địa chín.
- 12) Tối thượng Bồ-tát trụ: địa mười.

Bồ-tát ba hiền đạt phục nhãn, mười địa và Phật đạt tịch diệt nhãn. Kinh Thắng man dạy: La Hán, Bích Chi Phật, Bồ-tát cõi tịnh đều đạt phục nhãn, quán pháp không, không phiền não, đạt ba ý sanh thân, còn biến dịch sanh tử. Đó là Bồ-tát hành sáu Ba-la-mật, đạt sáu thông của trời người, không đạt quả Phật, là ba xe ngoài cửa. Vì này khác với ba thừa, tên gọi của sáu thông tuy giống nhau nhưng quả báo khác nhau: ba thừa không nghe, không tin Kinh Hoa Nghiêm. Kinh dạy: Bồ-tát dù trải qua vô số kiếp tu sáu Ba-la-mật, đạt sáu thông nhưng không nghe hiểu Kinh Hoa Nghiêm, vẫn là Bồ-tát giả danh, dù nghe vẫn không chứng nhập. Ba ý sanh thân của ba thừa:

- 1) Địa 1, 2, 3 đạt Tam ma bạt đề nhạo pháp ý sanh thân.
- 2) Địa 4, 5, 6 đạt Giác pháp tự tánh ý sanh thân.
- 3) Địa 7, 8, 9 đạt chủng loại câu sanh vô hành tất ý sanh thân.

Pháp nhưt thừa khác ba thừa vì căn bản vô minh, phiền não chính là Phật bất động trí; tất cả chúng sanh đều như thế. Thể của trí không tánh, không nương tựa, không tựa biết, do duyên sanh, vì sao? Vì gặp khổ mới phát tâm, đạt vui trời người nhưng vì thấy sanh tử vô thường nên cần phao chơn thật; gặp Phật và Bồ-tát nhưt thừa nên phát tâm cầu trí Phật. Ba thừa cũng thế nhưng sự hiểu biết sâu cạn khác nhau. Song tất cả đều nương trí căn bản phát tâm ngộ nhập, trụ thứ một cũng là năm vị. Tuy nêu pháp môn tu tập tuần tự của năm vị nhưng tất cả là một. Như Ấn của vua đóng vào văn bản. Trí huệ ấy không trước sau, đủ vô số trí, như trí Phật, tâm chúng sanh, các pháp. không trước sau dài ngắn, như hư không, không phân biệt nhưng biết rõ tất cả. Vì thế kinh dạy: “Hư không có thể lường, cõi Phật không thể nói”. Vô minh căn bản chính là trí Bất Động của Phật và cũng là tâm của chúng sanh, vừa phát tâm là thành Phật. trụ phát tâm thứ một đạt trí bi như Phật. Năm vị cũng thế, tất cả đều không ngoài trí Phật. song vì sự tu tập thuần thực hay chưa thuần thực nên có tên gọi khác nhau. Trong thể của trí không có sự



phân biệt của vọng tình, như Long Nữ chỉ tích tắc là thành Phật, trọn vẹn hạnh Phổ Hiền. Phần kệ của Văn Thù có lời dạy: “Sát na quán sát vô số kiếp, không đến không đi cũng chẳng dừng, biết rõ mọi việc trong ba đời. Vượt trên phương tiện, đủ mười lực”. Do vậy, việc bát-tăng-kỳ kiếp thành Phật của Đại thừa chỉ là quyền giáo. Kinh này là thật giáo, không có việc dùng nguyện thành Phật, dù phát nguyện hành hạnh cũng phải dựa trên thật, pháp thành Phật, không có do nguyện thành Phật. vì thế pháp môn của trụ thứ nhất cũng là pháp của năm vị. Như hai trụ bảy, tám tu tập bi trí, trụ pháp sư thứ chín trọn vẹn bi trí. Vì vậy hành tướng của năm vị giống nhau. Cảnh giới trí huệ nơi các thiện tri thức của Thiện Tài không có giới hạn. hành tướng năm vị được tạo do bi trí trong pháp thân, là một trí, một tâm, một thời điểm, cùng khắp. Hành giải nên hiểu rằng trong cảnh giới trí huệ không có sự nhanh chậm của ba đời. Nếu thấy có nhanh chậm là trái với thật lý, thuộc vọng tình, thay đổi theo hình tướng, sự đoạn trừ hoặc chướng của năm vị như hư không, không thời lượng, như gương sáng chiếu soi, như ngọc ma ni đủ màu sắc, như giọt nước và biển cả. Nếu soi chiếu các pháp bằng trí huệ viên mãn thì tất cả đều là cộng dụng lớn, không phân biệt. Nghĩa văn: có sáu đoạn:

- 1) (19,5 hàng) Bồ-tát Pháp Huệ nhập định, các đức Phật ủng hộ;
- 2) Sau khi xuất định, Bồ-tát Pháp Huệ nói tên mười trụ.
- 3) Nguyên nhân phát tâm.
- 4) Mười trí thù thắng của Như Lai mà người phát tâm nương tựa.
- 5) Mặt đất chấn động vì oai lực của pháp Phật.
- 6) Nói kệ khen ngợi.
- Đoạn một có 10 ý:
- 1) Tên Bồ-tát.
- 2) Ý nghĩa của việc nhập định.
- 3) Oai lực của định.
- 4) Các đức Phật Pháp Huệ xuất hiện trước Bồ-tát.
- 5) Các đức Phật trong mười phương đều gia hộ Bồ-tát.
- 6) Nhờ nguyện lực của đức Tỳ-lô-giá-na nên có những việc ấy;
- 7) Nhờ sức nơi căn lành của Bồ-tát Pháp Huệ nhập định.
- 8) Nguyên nhân nhập định.
- 9) Các đức Phật nơi mười phương trao trí.
- 10) Bồ-tát Pháp Huệ xuất định, nói pháp mười trụ.

Tên Bồ-tát: Ở mười tín, các Bồ-tát đều có tên Thủ. Vì lòng tin là điều kiện đầu của sự phát tâm. Ở mười trụ, việc sanh vào nhà trí

Phật là điều kiện tiên quyết nên các Bồ-tát đều có tên Huệ. Hiểu pháp Phật, đạt trí Phật, phân biệt đúng sai là Pháp Huệ. Nếu mình không có sự hiểu biết như Phật thì không thể phân biệt pháp đúng sai của mình, người. Vui có sự hiểu biết như Phật nên các đức Phật Pháp Huệ ở mười phương xuất hiện trước Bồ-tát để chứng minh và trao trí.

Ý nghĩa của việc nhập định: ở mười tín, tuy tin tâm phân biệt của mình là Phật Bất Động Trí nhưng lòng tin ấy chưa vững, chưa dùng tam muội dung hợp thể, dụng. Vì vậy, mười cõi nước ở mười tín đều có hình sắc, mười tín chưa sống trong pháp tánh, tin hiểu bằng tâm sanh diệt. Người tu, trước là nghe hiểu, tin tưởng, thâm nhập, sau là thâm nhập bằng tâm không suy xét, nhưng trí không tạo tác. Nhờ nhập định, Bồ-tát làm thanh tịnh các tập nhiễm, hiển hiện trí chơn thật. Chánh định là cảnh giới giác ngộ, không suy xét, không hôn trầm trạo cử, không sanh diệt, không chán thích, tự tại hợp lý tánh, tự không đạt. đó là phương tiện, là vô lượng, đoạn trừ vọng tưởng, không suy xét bằng vọng tình, tình thức tội tằm, trí huệ sáng suốt. Định của ba cõi đều do đoạn trừ vọng tưởng; định của Thanh Văn, Duyên giác do tâm chán ghét, quán pháp không, diệt bi trí, vui với sự tịch tịnh; Bồ-tát quyền giáo thích quán pháp không, hành sáu độ, đoạn khổ, sanh về cõi tịnh. Nếu ở trong sanh tử thì cho là giữ hoặc đồ sanh. không hiểu quy luật tự nhiên của các pháp là không sa khỏi hay chìm đắm. vì vậy định này là phương tiện đối trí tâm không hiểu thể dụng của pháp giới, tham đắm năm dục của chúng sanh, dùng tâm không tạo tác hiện trí căn bản, dùng thể định làm thanh tịnh các vọng tình. tuy là phương tiện nhưng không có phương tiện giả ngoài pháp chơn. Ví như dùng thủy tinh làm sạch nước. nhờ sự trong sạch của thủy tinh biểu hiện thể sạch của nước, không phải thủy tinh làm nước sạch. Định phương tiện cũng thế, dùng sự thanh tịnh không tạo tác của các pháp biểu hiện trí không tạo tác, nhân quả của ba thừa, trời, người ngoại đạo đều là nhân quả có tạo tác. Vì vậy. cõi nước thọ sanh của họ đều không có hình tướng rộng hẹp, sạch như. Trong pháp nhưt thừa, các pháp không dừng trụ, không tạo tác, tự tại, thọ sanh bằng trí không nương tựa, xứng hợp chơn như. Tuy tùy thuận chúng sanh hiện thân nhưng về thể tướng không có sự đến đi, không có thần thông biến hóa, nghiệp quả ba đời hiện trong một sát na nhưng không nhanh chậm, trí huệ hạnh nguyên của kinh này đều thuộc lý trí, không có sự chán thích. Oai lực của định: định có khả năng làm thanh tịnh mọi dục vọng, hiện thân hình, danh hiệu như Phật, hiện trí huệ oai lực như Phật, đạt sự hiểu biết như Phật và được Phật gia hộ, giúp người tu hành sanh vào nhà

Phật, là đệ tử chơn chánh của Phật, định làm thanh tịnh các dục vọng vì thể định không tạo tác, thân tâm như hư không, hiện khắp pháp giới. Định hiển hiện trí Phật vì định không tạo tác, hiện trí không tạo tác. tất cả chúng sanh đều đủ trí Như Lai, vì vọng tình tham đắm năm dục nên dùng định không tạo tác làm phương tiện hiện trí Phật. Định giúp người tu hành có thân tướng danh hiệu như Phật vì từ định không tạo tác đạt trí thân, pháp thân thanh tịnh của các đức Phật. vì vậy vô số Phật Pháp huệ xuất hiện trước Bồ-tát, Bồ-tát đạt sự hiểu biết như Phật. số lượng Phật tiểu biểu cho sự tiến tu của Bồ-tát, sự rộng lớn của trí huệ. Với kẻ ngu, có vô số phiền não, với người trí, có vô số Phật. định có khả năng đạt trí Phật, được Phật gia hộ. Có bảy sự gia hộ:

1) Các đức Phật cùng tên xuất hiện.

2) Đức Phật khen ngợi.

3) Được đức Tỳ lô gia hộ.

4) Phật dùng thần lực gia hộ.

5) Nhờ sức căn lành tu định hiện trí.

6) Các đức Phật nơi mười phương trao mười trí, đạt biện tài thuyết giảng như Phật.

7) Các đức Phật đưa tay xoa đầu, đạt trí Phật.

Nhờ định, người tu hành sanh trong nhà Phật, đạt trí huệ giải thoát như Phật. phần sau khi xuất định, Bồ-tát Pháp Huệ nói tên mười trụ có ba ý:

1) Nhân phát tâm, thấy thân tướng trang nghiêm của Phật, nghe pháp Phật.

2) Mười trí thù thắng của Như Lai mà người phát tâm nương tựa.

3) Tu hành theo địa vị. Phần mặt đất chấn động vì oai lực của pháp Phật có bảy ý:

1) Sáu thứ mười tám tướng chấn động.

2) Mười pháp cúng dường của chư thiên.

3) Mười phương đều vang tiếng pháp.

4) Đại đức cảm động khắp mười phương.

5) Bồ-tát trong mười phương đều đến chứng minh.

6) Quả Phật diệu pháp: trí vi diệu thuyết pháp vi diệu.

7) Bồ-tát Pháp Huệ nương oai thần của Phật nói kệ.

200 hàng khen ngợi 200 pháp mười trụ như tưới nước trên đỉnh đầu... biểu hiện cho trí pháp giới không trong ngoài. Vì độ sanh nên hiện thân thuyết pháp. người đạt địa vị này được các đức Phật đưa tay xoa đầu.

### 16. Phẩm: PHẠM HẠNH

Phẩm này cũng có ba phần: Tên phẩm: Phạm: tịnh, dùng hạnh thanh tịnh, đem lại lợi ích cho chúng sanh. Vào đời làm mọi việc đồ sanh nhưng không chứng sắc, mọi hạnh đều thanh tịnh phạm hạnh là chánh niệm, vô niệm, hành nhưng không chấp, vì tạo lợi ích cho chúng sanh nên còn gọi là Đệ nhất nghĩa thiên. Chư thiên có lòng từ là thiên tử, còn gọi là Pháp Huệ, hành nhưng không chấp là pháp, dùng pháp để phân biệt vọng tình là huệ. Nếu phân biệt bằng vọng tình thì trái với thật lý, không phải là pháp huệ. Căn cứ theo pháp nhưn, tịnh hạnh đủ cả lý, giáo.

Nghĩa phẩm: phẩm trước nêu việc an trụ nơi không trụ của Phật, hành hạnh không hành, đem lại lợi ích cho chúng sanh nhưng không thấy chúng sanh là tịnh hạnh của phẩm này. Nghĩa văn: có bảy ý:

- 1) (3 hàng) thiên tử chánh niệm tỉnh pháp.
- 2) (2,5 hàng) mười pháp quán.
- 3) (26,5 hàng) quán pháp.
- 4) (10 hàng) quán thân thọ tâm thức và quán pháp Phật bình đẳng.
- 5) (3,5 hàng) nêu mười trí Phật để tu tập.
- 6) (3 hàng) hỏi mười lực, phát tâm bi.
- 7) (4 hàng) hiểu rõ các pháp huyễn, đạt lợi ích, thành Phật.

Quán pháp như thế sẽ đoạn trừ hai kiến thân, biên và sự phân biệt ba đời, làm thanh tịnh ba nghiệp, không phân biệt người quán và pháp quán, không hôn trầm, trạo cử, không sanh diệt, tự tại hợp lý, không suy xét, hiển bày mười cực Phật. Trí Phật sáng suốt, vì mê mờ nên chúng sanh không hiểu rõ. Trí tuy hiện nhưng thể tánh không thay đổi. Trí hiện đoạn trừ vọng tình, hoặc chướng, được tự tại, ở trong hạt bụi không nhỏ, ở trong hư không không lớn, hiện đủ công dụng lớn nhưng không ngoài một sát na, pháp thân rộng lớn không cùng. Nếu thấy đó thì có vô số, nếu thấy không thì không mấy trần, bản thể không suy xét, không tạo tác nhưng hiểu rõ, sanh tự không thay đổi ý chí, khổ vui không nản lòng. Người không đạt thật lý không thể lường biết được, không do đoạn tâm. vì thế, Như Lai thuyết phẩm Tịnh Hạnh: “Hiểu rõ các pháp, chánh pháp hưng thịnh, đoạn trừ vọng kiến, trí Phật hiện khởi”. Đó là ý nghĩa của câu: vừa phát tâm là thành tựu chánh giác, huệ thân, không do người khác chỉ dạy. Vì vậy, kẻ hậu học nên tu hành đúng pháp, không nên chạy theo vọng cảnh mê mờ, trôi lăn mãi (muốn giải rõ nghĩa trên nhưng sợ dùng ngôn ngữ làm chướng ngại thật lý, rối loạn

kể hậu học. Cứ theo lời trên sẽ hợp được thật lý). Tịnh hạnh của mười tín là độ thoát chúng sanh, hiểu rõ vạn pháp: mười trụ, hành hạnh vô vi là tịnh hạnh, từ công dụng của tịnh hạnh trở thành công dụng của trí. Phẩm tịnh hạnh không phải chỉ nói về công dụng thành Phật của mười hạnh... mười địa. Từ hạnh không tánh thực hành hạnh thanh tịnh nên tất cả hạnh đều thanh tịnh, hạnh thanh tịnh nên trí thanh tịnh, tâm thanh tịnh, pháp thanh tịnh, pháp giới thanh tịnh, chúng sanh thanh tịnh, cõi Phật thanh tịnh. Hành hạnh bình đẳng là tịnh hạnh.

-----

### 17. Phẩm: CÔNG ĐỨC PHÁT TÂM

Công đức của người phát tâm như hư không khó lường. Hư không chỉ biểu hiện cho sự rộng lớn, không hình tướng, không ngăn ngại tương xứng với phước trí của tâm bồ đề. Trí huệ của vị này vi diệu, hiện vô số thân như mây, như lưới Đế Thích dùng một ngôn ngữ thuyết giảng cho tất cả chúng sanh khắp pháp giới, chúng sanh đều đạt pháp lạc. Phước đức của vị này biểu hiện bằng hình tướng trang nghiêm như thể tánh của cõi Hoa Tạng. Người vừa phát tâm là như Phật. như dòng sông chảy về biển thể tánh của nước là một. Cũng thế, Bồ-tát vừa phát tâm là vào dòng Phật, công đức như Phật vì thời gian của người phát tâm và người thành Phật như nhau, trí huệ là một. Vì thế có câu: “Độ thoát chúng sanh thành tựu quả Phật, hạnh nguyện như Phật, trí thân bồ đề rộng lớn, một sát na cúng dường vô số Phật, giáo hóa vô số chúng sanh”. Đó là sức cùng khắp của trí huệ, không do thần thông biến hóa. Hạnh nguyện của Bồ-tát phát tâm, quả Phật, chúng sanh đều rộng lớn khôn lường. Phẩm này nếu mười công đức khôn lường của Bồ-tát phát tâm. Người phát tâm tu học trong pháp trí Bất Động như Thái tử vừa sinh ra đủ tướng vua, như sư tử con đủ lực của sư tử chúa. Trí hiểu biết của Bồ-tát phát tâm sanh vào nhà Phật như trí huệ của Phật, hiểu rõ ba đời không dài ngắn, vui vẻ giáo hóa chúng sanh, vừa phát tâm là ngồi nơi xe trí Như Lai, tích tặc thành Phật, độ thoát chúng sanh. người tùy thuận chúng sanh, trải qua ba-tăng-kỳ kiếp tu tập của ba thừa, muốn thành Phật phải chuyển tâm, thâm nhập như thiết trí của như thừa như việc Long Nữ thành Phật trong kinh Pháp Hoa. Tất cả chúng sanh phải hiểu rõ pháp này mới thành Phật, không thể căn cứ nơi ngôn ngữ giả tạm của ba thừa. Vì các pháp vốn vậy. Phần sau của phẩm này có câu: “Bồ-tát cửa phát tâm, vô số Phật khen ngợi, đủ năng lực thuyết giảng,

điều phục chúng sanh, thị hiện thành Phật”. Phẩm này có 40 đoạn, 242 hàng kệ đều khen ngợi công đức phát tâm. Phẩm này cũng có ba phần: Tên phẩm: công đức phát tâm. Vừa phát tâm là hiểu không có sự phân biệt xưa nay. Phát: tâm trống rỗng, trí hiển hiện. Tâm: đoạn trừ hai kiến thân, biên. Công: không tạo tác nhưng thành tựu quá lớn. Đức: giáo hóa không cần quả báo, tướng trang nghiêm. Phước trí rộng lớn là công, thông đạt mọi lẽ là đức. Nghĩa phẩm: phẩm trước nêu công đức của hạnh thanh tịnh. Phẩm này nêu công đức phát tâm. Nghĩa văn có hai: ý kinh, ý văn. Ý kinh: 40 đoạn:

- 1) (1,5 hàng) Đế Thích hỏi về công đức phát tâm.
- 2) (3,5 hàng) mười công đức sâu rộng của người phát tâm.
- 3) (5 hàng) công đức chỉ dạy chúng sanh giữ năm giới trong một tăng kỳ kiếp.
- 4) (5 hàng) công đức phụng sự chúng sanh không bằng công đức phát tâm.
- 5) (10 hàng) công đức phát tâm.
- 6) (2,5 hàng) các công đức khác không bằng công đức phát tâm.
- 7) (15 hàng) người phát tâm giáo hóa chúng sanh không đoạn hạt giống Phật.
- 8) (7 hàng) tích tacc thông đạt tất cả.
- 9) (15 hàng) cảnh giới hiểu biết của người phát tâm khó lường.
- 10) (6,5 hàng) biết rõ kiếp số thành hoại.
- 11) (16 hàng) Bồ-tát phát tâm hiểu rõ sự thành hoại của kiếp số.
- 12) (6 hàng) sự hiểu biết rộng lớn.
- 13) (22 hàng) sự hiểu biết của Bồ-tát phát tâm.
- 14) (6 hàng) biết căn tánh chúng sanh.
- 15) (5,5 hàng) Bồ-tát phát tâm biết căn tánh chúng sanh.
- 16) (4 hàng) tâm ham muốn của chúng sanh.
- 17) (6 hàng) Bồ-tát phát tâm biết sự ham muốn của chúng sanh.
- 18) (4 hàng) phương tiện rộng lớn.
- 19) (6 hàng) Bồ-tát phát tâm biết rõ phương tiện độ sanh.
- 20) (3 hàng) tâm rộng lớn của chúng sanh.
- 21) (5,5 hàng) Bồ-tát phát tâm biết tâm niệm sai khác của chúng sanh.
- 22) (4 hàng) nghiệp rộng lớn.
- 23) (3 hàng) Bồ-tát biết rõ nghiệp của chúng sanh.
- 24) (7 hàng) phiền não của chúng sanh.
- 25) (16 hàng) Bồ-tát biết rõ phiền não của chúng sanh.

- 
- 26) (9,5 hàng) sự cúng dường rộng lớn.
- 27) (3 hàng) công đức cúng dường của Bồ-tát phát tâm.
- 28) (10,5 hàng) xây tháp cúng dường.
- 29) (6,5 hàng) sự cúng dường thuyết pháp của Bồ-tát phát tâm.
- 30) (4 hàng) vừa phát tâm vừa thành Phật, biết các đức Phật trong ba đời thành Phật... Niết-bàn, đạt trí như Phật.
- 31) (9 hàng) chí nguyện sâu rộng của Bồ-tát phát tâm.
- 32) (6 hàng) Bồ-tát phát tâm có trí nhớ như Phật, gặp Phật giảng pháp, tính tấn tu tập, hiểu rõ nhân quả thành Phật.
- 33) (10,5 hàng) Bồ-tát vừa phát tâm là thành Phật độ sanh như các đức Phật trong 3 đời.
- 34) (4,5 hàng) Bồ-tát phát tâm hiểu rõ pháp thế, xuất thế không đắm nhiễm.
- 35) (3,5 hàng) mặt đất chấn động.
- 36) (2 hàng) chư thiên cúng dường.
- 37) (4,5 hàng) các đức Phật cùng tên xuất hiện, khen ngợi.
- 38) (5 hàng) vô số Bồ-tát phát tâm.
- 39) (9,5 hàng) mười phương đều vang tiếng pháp.
- 40) (6,5 hàng) Bồ-tát Pháp Huệ quán sát các pháp, nói kệ khen ngợi.
- 242 hàng kệ, 60 câu có 240 hàng, hai hàng sau: tổng kết.
- 168 hàng: khen ngợi quả Phật và pháp sáu vị, trí huệ công đức của người phát tâm như Phật, trọn vẹn thể dụng. Cảnh giới của người phát tâm và tâm giống nhau. nếu chí nguyện bi trí không như Phật thì không gọi là Bồ-tát phát tâm. 74 hàng sau: tóm tắt về 40 đoạn kinh trên, nêu công đức rộng lớn của người phát tâm.

